TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 86, Tập 1, 2023

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 86, Vol.1, 2023

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

NGÔ GIA VĂN PHÁI VÀ VẤN ĐỀ SÁNG TÁC VĂN CHƯƠNG

The literature school of Ngo's family and issue of literary composing

Đặng Văn Vũ
Trường Đại học Sài Gòn

TÓM TẮT

Ngô Gia Văn Phái là một phái văn đạt được nhiều thành tựu trong nền văn học trung đại. Ngoài thành tựu về thực tiễn sáng tác, họ cũng nói nhiều về lý thuyết văn chương. Ở phương diện lý thuyết sáng tác, họ có quan niệm rõ ràng về vai trò của cảm hứng nghệ thuật, về năng lực cần có của một nhà văn, làm thế nào để có được một tác phẩm hay. Dù chỉ đề cập đến ba phương diện nhưng cũng đã bao quát được nhiều vấn đề cụ thể của sáng tác văn học thời trung đại. Không chỉ là thời trung đại, quan niệm của nhóm Ngô gia có nhiều điểm rất gần với lý luận văn học hiện đại. Khảo sát quan niệm sáng tác văn chương của văn phái Ngô gia, vì vậy, vừa giới thiệu lý luận của cha ông, vừa giúp người đọc có cái nhìn đối sánh với lý luận hiện đại trong việc hình thành cơ sở tiếp nhận văn học trung đại cũng như văn học hiện đại.

***Từ khóa**: Ngô gia, cảm hứng, khám phá, sáng tác, thăng hoa*

ABSTRACT

The literature school of Ngo's family a group of writers, has achieved many achievements in medieval literature. In addition to their composition achievements in practice, they also mention literary theory a lot. In terms of composition theory, they have very definite ideas about the role of artistic inspiration, about core competence of a writer and how to get a great work. Although only three aspects are mentioned, it has covered many specific issues of medieval literary creation. Not only in the medieval period, the concept of the Ngo Gia group has many points that are very close to modern literary theory. Surveying the concept of literary creation of the Ngo Gia sect, therefore, both introduce the theory of the ancestors and help readers have a comparative view with modern theory in forming the basis of literary reception medieval as well as modern literature.

***Keywords**: Ngo Gia, inspiration, discovery, composition, sublimation*

1. Mở đầu

Trong thời kỳ văn học trung đại Việt Nam, có một văn phái nổi bật và duy nhất, đó là văn phái Ngô gia. Nói nổi bật, vì văn phái này sáng tác trải dài trong hai thế kỷ XVIII và XIX với mười lăm tác giả và hơn năm nghìn trang tác phẩm. Duy nhất, vì văn phái này tập trung trong một dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, Hà Nội, không có văn phái nào như thế trước và sau Ngô gia. Một điểm cũng khá nổi bật ở văn phái này là các tác giả rất có ý thức về lý thuyết của văn chương. Ý thức ấy được phát biểu trong các lời tựa, bạt của sách và thể hiện rải rác trong các sáng tác của họ. Khảo sát quan

Tác giả liên hệ: dvvu@sgu.edu.vn

niệm văn chương của Ngô gia văn phái, chúng tôi nhận thấy họ nói nhiều về chức năng của văn chương. Bên cạnh đó, các tác giả họ Ngô cũng thể hiện rất rõ lý luận về sáng tác, như vấn đề cảm hứng trong sáng tác, vấn đề năng lực cần có của nhà văn, vấn đề làm thế nào để tạo ra một tác phẩm ưu tú…Lý luận sáng tác của Ngô gia văn phái là một bộ phận quan trọng trong gia tài lý luận văn chương của cha ông trong thời kỳ trung đại. Hiểu về nó là một điều cần thiết cho việc tiếp nhận đúng đắn và sâu sắc văn học trung đại Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Vấn đề cảm hứng trong sáng tác

Cảm hứng là trạng thái thăng hoa của cảm xúc, trong lĩnh vực văn chương, đó là cảm xúc thẩm mỹ. Khi khách thể thẩm mỹ gây cho chủ thể một cảm xúc mạnh mẽ thì sẽ xuất hiện cảm hứng. Khách thể ấy không chỉ là hiện thực bên ngoài, mà nó có thể là thế giới tưởng tượng, mơ ước. Nó chính là tiền đề cho sáng tạo. Mọi hoạt động của con người muốn có kết quả tốt đều phải khởi phát từ cảm hứng. Cảm hứng chính là động lực quan trọng nhất của sáng tạo. Viết văn nếu không có cảm hứng thì ngôn từ như lặn đi đâu hết. Còn khi cảm hứng dồi dào thì chữ nghĩa như tuôn chảy đầu ngọn bút, nhiều khi viết không kịp. Cảm hứng chính là nguồn ánh sáng làm cho lá cành của tác phẩm thêm màu xanh tươi, và vì thế gốc rễ của nó sẽ trở nên bền chặt. Thấy rõ điều này, từ thế kỷ XIII, trong bài *Hạnh An Bang phủ*, Trần Thánh Tông đã viết:

Hốt nhiên đắc giai thú,
Vạn tượng sinh hào đoan.
(Bỗng nhiên được hứng thú,
Muôn hình tượng nảy sinh ra đầu ngọn bút) (Phương Lựu, 1985, tr. 76).

Sáng tác là quá trình chuyển hóa giữa đối tượng khách quan với thái độ chủ quan. Không phải thái độ hời hợt mà là tình cảm mãnh liệt. Ngô Thời Nhậm viết: "*Tình cảm dồi dào thì thơ nảy sinh. Hoặc là tình nam nữ thương nhau. Hoặc là tình vợ chồng nhớ nhau...Niềm vui thích của ta là ở triều chính thì ta cùng triều chính có cái tình nam nữ, nỗi nhớ mong của ta là ở ruộng vườn thì ta cùng ruộng vườn có cái tình vợ chồng"* (Phương Lựu, 1985, tr. 154). Thơ chỉ có thể nảy sinh khi tình cảm dồi dào, tình cảm mãnh liệt nhất là tình nam nữ (tình yêu) và tình vợ chồng. Nhưng mọi thứ trên đời nếu ta "vui thích, nhớ mong" thì ta đều có cái tình mãnh liệt đó. Điều đó giải thích vì sao, nhiều nhà văn nhà thơ viết thuần lý chính trị nhưng vẫn dạt dào cảm xúc, lay động được lòng người.

Trong tâm cảm của người xưa, thiên nhiên là nguồn cảm hứng dồi dào nhất. Điều này xuất phát từ quan niệm "thiên nhân nhất thể", thiên nhiên là sự thanh khiết trong sáng, đối lập với cuộc đời là "hồng trần"; cho nên thiên nhiên là đề tài lớn nhất trong văn học trung đại. Thiên nhiên là biểu tượng của sự thanh sạch, hòa trong thiên nhiên con người sẽ có được sự thanh cao trong tâm hồn nên dễ nảy sinh cảm hứng. Trong *Cái vui luận bàn*, Ngô Thì Hoàng nói: *"Bạn đồng du tài tuy không cao, nghĩ cũng có thể cùng ta ngâm vịnh. Bước lên cung lá bối, trước tiết hoa vàng, đốt hương lựa vận, nào cần tranh kỳ xảo ở tao đàn; vẩy bút thành văn, cùng nhau tả cuộc tiêu dao nơi thôn ấp, xúc cảnh động lòng, phát ra thành thơ"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 132). Con đường sáng tác bắt đầu bằng sự tiếp xúc với thiên nhiên trời mây, sông núi, với thôn ấp xóm làng. Đã bao đời nay, đó

vẫn là những đối tượng dễ gây cảm hứng nhất. Từ vẻ đẹp của thiên nhiên, từ cuộc sống của xóm làng, thi nhân sẽ xúc cảnh động lòng mà thành thơ. Ngô Thì Chí trong bài tựa viết cho tập thơ của mình cũng phát biểu tương tự: "*Tính ta chỉ thích thư thái, phóng túng, khác hẳn với đời. Những ý tưởng cao siêu, trong sáng phần nhiều nảy sinh lúc ngồi chơi, lúc đi dạo hoặc trầm tư suy nghĩ, khi nảy ra ý tưởng thì lên cao trông xuống mà thưởng thức. Cái thú nói cười ngâm nga thường khi tình cảm tiếp xúc với cảnh vật, tác động qua lại, dẫn dắt mà nổi lên. Đó là lúc linh khiếu áo thổi, thiên cơ rung động, không hẹn mà nên vậy"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr.151). Đây chính là kinh nghiệm sáng tác của ông. Với ông, sáng tác không phải là *"Trọn ngày thong thả khép phòng văn"* (Nguyễn Trãi), mà phải là "tiếp xúc với cảnh vật", cảnh-người trong mối tương liên sẽ dấy lên cảm hứng. Hơn nữa, sự phản ánh trong tác phẩm văn chương còn phải mang tính biểu hiện. Chỉ viết cái gì thật sự xúc động, dồi dào, tràn ngập trong lòng. Cùng Phan Huy Ích bàn về thơ, trong "Cúc hoa thi trân", Ngô Thì Nhậm viết: *"Mây gió cỏ hoa xinh tươi kì diệu đến đâu, hết thảy đều từ trong lòng nảy ra, gửi vào sự vật mà hiện ở ngôn ngữ. Còn như vì sao khiến phải gửi gắm vào sự vật, phải biểu hiện ra bằng lời, thì cũng như cái lí do cá phải nhảy, diều phải bay, chỉ biết nói cái gì đáng nói mà không nói cái gì không đáng nói"* (Nguyễn Minh Tấn, 1981, tr. 56). Ý kiến của Ngô Thì Nhậm nhấn mạnh đến yếu tố chủ quan người sáng tác chứ không thiên về khách quan như các ý kiến trên. Điều này tương đồng với quan điểm của Nguyễn Du *"Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ"*. Dễ dàng nhận thấy tính hợp lý của vấn đề chủ thể chi phối đối tượng. Lòng người sầu muộn thì cảnh vật cũng sầu muộn, lòng người hứng khởi thì vạn vật xinh tươi. Bởi vậy, cái tâm của cảm hứng chính là "lòng người", và đó là điều kiện hết sức cơ bản khi tiếp xúc với cảnh vật. Nhấn mạnh điều đó không có nghĩa là xem thường phẩm chất của thế giới bên ngoài. Lòng người đang đẹp nhưng đứng trước cảnh hoang tàn héo úa thì lòng người cũng dễ héo úa theo. Tâm trạng con người cũng bị tác động bởi ngoại cảnh chứ không chỉ là ngoại cảnh bị chi phối bởi con người. Khi hai yếu tố đó phối hợp nhau, hô ứng nhau thì thơ sẽ nảy sinh như "cá phải nhảy, diều phải bay". Bởi vậy, Ngô Thì Chí nhấn mạnh đến tầm quan trọng của cả hai yếu tố: tình cảm và cảnh vật. Ông nói: *"Cái thú nói cười ngâm nga thường khi tình cảm tiếp xúc với cảnh vật, tác động qua lại, gợi dẫn nhau mà nổi lên. Đó là lúc linh khiếu ào thổi, thiên cơ rung động, không hẹn mà nên vậy"* (Trần Đình Sử, 2005, tr. 144).

Ngô Thì Sĩ thì, ngoài cảm hứng, ông còn đề cao cái tâm của người sáng tác. Ông xem "tâm" làm tướng, "thơ" làm binh, ông viết:

"Khi hứng thú ngâm nga mê mải
Góp non sông thu lại phẩm bình.
Tâm làm tướng, thơ làm binh
Sắt vàng sang sảng giao tranh tao đàn
Ngoài những cuộc văn gươm bút trận.
Dạ hồn nhiên chẳng bận tranh giành"
(*Họa nguyên vần thơ bạn cũ Trần Đăng Doanh* - Trần Thị Băng Thanh, 2010, tr. 214).

Cảm hứng thì "ngâm nga" (sáng tác), và cái "tâm" là hạt nhân của văn thơ. Chữ "tâm" ở đây ta không chỉ hiểu là tấm lòng

mà nó còn là phẩm chất, là đạo đức, là trí tuệ của người cầm bút, trong những thứ đó thì "chí" là "vị tướng" của sáng tác, và nó chính là cội nguồn của cảm hứng để điều khiển binh thơ.

Nếu như cuộc đời nói chung là những mảng màu đa sắc thì cảm hứng nghệ thuật là những sắc màu trinh nguyên, đẹp đẽ nhất. Chính nó đã làm nên giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn chương. Nhận thức rõ điều đó, cùng với sự tiếp thu các quan niệm của những người đi trước, các tác giả Ngô gia văn phái đã đề cao và phân tích khá đầy đủ của vấn đề cảm hứng trong sáng tạo văn chương. Điều đó càng khẳng định tính đúng đắn trong quan niệm của người xưa về vấn đề cảm hứng sáng tạo. Bên cạnh vấn đề cảm hứng, các tác giả họ Ngô cũng bàn khá đầy đủ về vấn đề năng lực cần có của một nhà văn.

2.2. Năng lực của nhà văn

Trong sáng tác văn chương, cảm hứng chỉ là điều kiện cần, điều kiện đủ là anh phải có năng lực cần có của một nhà văn. Năng lực ấy gồm có khả năng thiên phú và sự cần mẫn học tập ở người khác, ở sách vở.

Tác phẩm văn chương là một sản phẩm kì diệu. Việc viết văn, do đó, là một công việc sản xuất tinh thần tinh vi, không chút đơn giản, dễ hiểu. Trong lời tựa "Hoàng công thi tập", Ngô Thì Nhậm đã nói: *"Việc binh, việc hình, việc lễ, việc nhạc, thánh nhân có phép tắc cả. Binh pháp cốt ở chỉnh tề, hình luật cốt ở răn cấm, lễ pháp cốt ở uy nghi, nhạc luật cốt ở thanh âm. Những điều đó, thánh nhân đã nêu ra để dạy người, rất là rõ ràng, dễ hiểu. Đến như phép, luật làm thơ, lại là một điều huyền bí, thánh nhân không truyền lại, ta chỉ có thể hiểu bằng thần, không thể tìm bằng trí được"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 145). Ở đây chúng ta phải hiểu rằng phép, luật làm thơ không phải là những niêm, luật của một bài thơ (như thơ luật Đường) mà ta phải hiểu đó là sáng tạo nghệ thuật nói chung. Sáng tạo nghệ thuật không phải chỉ thuần túy từ ý đồ, từ sự sắp đặt của lý trí mà nhiều khi nó là một điều huyền bí, như sự trỗi dậy của tiềm thức, vô thức mà rất nhiều nhà văn đã nói về sự kỳ lạ trong quá trình sáng tác của mình. Ngô Thì Nhậm đã nói đến "điều huyền bí" của sáng tạo và cái "thần" đó chính là năng lực thiên phú. Điều đó càng củng cố hơn niềm tin về vấn đề năng khiếu trong lĩnh vực nghệ thuật. Lý thuyết hiện đại như Phân tâm học, Tâm phân học, Tượng trưng, Siêu thực… nghiên cứu rất sâu về vấn đề này và đã có được những kiến giải thú vị, thuyết phục.

Nhưng bên cạnh năng khiếu, thì tự mở rộng kiến thức cho mình bằng trải nghiệm thực tế (đi nhiều, thâm nhập đời sống) và đọc nhiều sách vở cũng là một điều kiện rất quan trọng. Về vấn đề này, Nguyễn Tư Giản có phát biểu rất sâu sắc: *"Nuôi tầm nhìn rộng trông xa, thì hơi văn sẽ thăng bằng, trong bụng nuốt tám chín chằm Vân Mộng, thì thể văn sẽ bao la và thoải mái; đọc nát vạn cuốn sách, cảm thấy như có phần ở bên mình, thì thể cách văn sẽ lớn lao mà đúng đắn. Người nào gồm đủ các mặt trên, đây là nhà văn ưu tú nhất"* (Thạch Nông toàn tập). "Tầm nhìn xa trông rộng" là tư tưởng triết học, "chằm Vân Mộng" là kiến thức thực tế, "vạn cuốn sách" là kiến thức sách vở. Có đầy đủ các yếu tố trên thì dễ trở thành nhà văn ưu tú. Cũng trên quan niệm đó, Ngô Thì Sĩ trong bài tựa *Mỹ Đình thi tập* nói: *"Xưa có người thợ lấy rìu gọt bùn ở mũi mình, vết bùn sạch mà mũi không xây xước. Người thợ ấy nói: Việc đó có thể dạy cho người khác mà*

không thể dạy cho con cháu được. Thế thì ông anh tôi hay thơ là do ngày thường thấm thía được cái ngoài những điều cụ thân sinh đã dạy, lại thâu góp chất chứa được cái ý tình trung hậu, sâu rộng mà người học thức nông nổi không thể dò biết được bờ bến" (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 131). Trong lĩnh vực nghệ thuật, thực tế đã chứng minh vấn đề di truyền. Bên cạnh đó, sự chỉ dạy của thế hệ trước đối với thế hệ sau là điều cần thiết và cũng rất quan trọng. Những kinh nghiệm sáng tác nếu tiếp thu tốt sẽ là tài sản quí. Nhưng không phải chỉ có thế, điều vô cùng cốt yếu là năng lực bản thân. Ngô Thì Sĩ tâm sự về nền tảng của sáng tác:

Hoa sớm và trăng khuya
Bến sông và đỉnh núi
Côn trùng không cho là hèn mọn
Trạng thái của vật khó miêu tả.
Nhưng ngọn bút của ông đã khám phá được hết.
Việc tự mở rộng kiến thức cho mình ít ai bì kịp,
Thói đa tình cũng dễ mấy ai bì
(Trần Thị Băng Thanh, 2010, tr. 148).

Nhà thơ phải có năng lực khám phá, mọi thứ trên đời đều có thể là đối tượng của thơ văn nếu người viết nắm bắt được cái thần của nó, khám phá được chiều sâu ý nghĩa đối với con người. Để có được năng lực ấy, Ngô Thì Sĩ nhấn mạnh hai điều kiện: "tự mở rộng kiến thức" và "thói đa tình". Tự mở rộng kiến thức là vấn đề được nhiều người đề cập. Còn thói đa tình là gì? Đó chính là phẩm chất giàu tình cảm, dễ xúc động và nhạy cảm của người nghệ sĩ. Những hình ảnh như hạt sương sớm trên ngọn cỏ, tiếng côn trùng đêm khuya, ngôi sao xa lẻ loi…đối với những năng lực thông thường thì nó hết sức bình thường; nhưng đối với nghệ sĩ thì nó sẽ khắc khoải cõi lòng để rồi rung lên những giai điệu và phải thể hiện ra trên trang giấy hoặc bức tranh, điệu nhạc…Chính "thói đa tình" ấy mà nhà văn có nhiều cảm hứng, gợi mở nhiều ý tứ, đề tài cho sáng tác.

Không chỉ vậy, trong bài bạt *Cấn trai thi tập,* Ngô Thì Vị nêu lên tầm quan trọng của việc mở rộng tư tưởng, trau dồi vốn sống, tu dưỡng tinh thần của nhà thơ: *"Bốn mùa có mùa thu là tiêu điều, hẳn lòng trời chăng? Năm âm có âm thương là bi đát, hẳn ý nhạc chăng? Thơ cùng mà sau hay, nhưng hoang lạnh hắt hiu thê lương khích liệt thì không phải là giáo hóa của thơ. Nói chung, lời nói phát ra trong chốc lát, nhưng làm căn cứ lâu dài. Hứng bộc lộ nơi tâm nhưng quan hệ với thân. Người quân tử hài hòa nơi tu dưỡng để làm lớn điều mình được trao nhận, đâu phải bo bo nơi nhỏ mọn của vần câu"* (Phương Lựu, 1985, tr. 128). Quan niệm của Ngô Thị Vị nằm trong xu hướng chung của các tác giả thời trung đại là đề cao vấn đề giáo hóa của văn chương. Muốn thực hiện được chức năng này, nhà văn phải chú ý đến phạm vi phản ánh của hiện thực cũng tư tưởng sâu rộng, chứ không nên quá chú trọng vào kỹ thuật, hình thức vần câu.

Nhà văn khẳng định danh xưng của mình là ở tác phẩm, nếu anh không có tác phẩm thì sao gọi là tác giả. Anh có đầy đủ phẩm chất, năng lực của một nhà văn nhưng anh không có tác phẩm thì anh vẫn là con số không to tướng. Vậy nên anh phải sáng tác. Sáng tác khi nào? Khi cảm hứng đến, khi nỗi niềm chất chứa đầy ắp. Nhiều người cho rằng, nếu không có cảm hứng, tâm sự thì không viết, bởi vì nếu bắt buộc phải viết trong tâm trạng bằng phẳng, tình cảm nhạt nhẽo thì tác phẩm sẽ vô vị. Tuy

nhiên, Ngô Thì Hoàng không nghĩ như vậy. Trong bài tựa *Hạnh Lâm lai phục thi cảo*, ông cho rằng, nhà văn phải sáng tạo không ngừng, ngay cả ở thời điểm khó khăn nhất: *"Nói chung sự sáng tạo của trời đất chỉ có âm và dương, sau trước tuần hoàn, cái xa qua đi thì cái sau nối tiếp, chưa từng một giây gián đoạn, cho nên có hai cái huyền diệu của sự nảy nở không cùng. Đương lúc khí âm cường thịnh, khí dương tàn rụng, buổi đông tàn song lạnh, hầu như không còn sinh khí, thì khí dương vẫn còn tiềm tàng ở dưới, vụt chốc nảy sinh. Thế là trong im lìm giá buốt có biết bao đạo lý dương tiếp tục hình thành. Nếu không hiểu sâu nơi sáng tạo thì đâu biết điều đó"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 129). Có lẽ ông vận dụng triết lý âm dương: trong dương có âm, trong âm có dương để làm nền tảng cho quan niệm sáng tác của mình. Nhà văn phải sáng tác không ngừng, ngay cả thời điểm khó khăn nhất, biết đâu ý tưởng, cảm xúc sẽ vụt nảy sinh. Chỉ có như vậy thì tác phẩm của anh mới dồi dào.

Tóm lại, theo quan điểm của các nhà văn họ Ngô thì để sáng tác văn chương trước hết cần có khả năng thiên phú. Nhưng khả năng ấy chỉ thăng hoa khi nhà văn dấn thân vào thực tế đời sống để có kiến thức thực tế, và phải chịu khó "đọc nát vạn quyển sách" để có kiến thức hàn lâm. Hơn thế nữa, nhà văn phải siêng năng lao động sáng tạo. Nếu hội tủ các điều kiện ấy sẽ thành tác gia ưu tú.

Nhà văn ưu tú phải như thế, vậy một tác phẩm ưu tú phải như thế nào?

2.3. Để có được một tác phẩm ưu tú

Theo cách hiểu thông thường, một tác phẩm hay là tác phẩm hấp dẫn người đọc, có tư tưởng mới lạ, sâu sắc, đa nghĩa…được thể hiện bằng một hình thức đẹp, độc đáo, đáp ứng được thị hiếu của người đọc…và thước đo rõ ràng nhất là nó trường tồn cùng thời gian. Nhưng về phương diện cá nhân, vì có nhiều thị hiếu khác nhau nên phẩm chất của một tác phẩm hay cũng khác nhau. Có người thích lối văn nhẹ nhàng, tha thiết như văn Thạch Lam, có người thích cách hành văn khúc chiết, chắc nịch như văn Nam Cao; có người thích lối thơ đầy tính chất triết lý như Chế Lan Viên, cũng có người mê giọng thơ đằm thắm, dung dị như Nguyễn Bính v.v…

Tất nhiên, một tác phẩm hay hay không hay luôn có tính thời đại, vì mỗi thời đại có một thẩm mỹ khác nhau. Thẩm mỹ ấy được chi phối bởi quan niệm nghệ thuật, chính trị, văn hóa…Ngô Thì Sĩ quan niệm văn phong của thời đại gắn liền với học phong, trong bài *Chỉnh chính văn thể*, ông yêu cầu: *"Kẻ sĩ đi học phải bỏ lối học tầm chương trích cú mà theo đuổi việc học rộng biết nhiều, bỏ kiểu văn chương thấp thỏi yếu đuối mà rèn luyện phong cách hùng hồn mạnh mẽ. Như thế nghiệp học mới có thành tựu lớn và nhân tài cũng xuất hiện đông đảo, có thể đủ cung cấp cho việc sử dụng của nhà nước*" (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 139). Đối với ông, văn chương phải có phong cách hùng hồn mạnh mẽ, tránh điệu ủy mị yếu đuối, vì người xưa thường quan niệm nếu*"nghe nhạc ai oán thì đó là điềm mất nước"*(Nguyễn Thượng Hiền). Như vậy một tác phẩm hay phải có giọng điệu hùng hồn mạnh mẽ. Chính vì lẽ đó, Ngô Thì Sĩ yêu cầu "việc cần làm ngay" là phải "chỉnh đốn văn thể", nếu "thay đổi thói quen của kẻ sĩ" thì sẽ "khiến cho phúc nước rạng rỡ, chính trị hưng thịnh, ngày nay đó là những điều cấp thiết hơn cả".

Đó là yêu cầu về giọng điệu. Còn về

nguyên lý sáng tạo thì Ngô Thì Nhậm trong lời tựa tập thơ "Tinh xà kỷ hành" đã chỉ ra: *"Người làm văn quí ở mực thước, thanh nhã, hồn nhiên; biết nắm lấy cái thực làm cốt tử, rồi dùng cái đẹp trang sức thêm"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr.141). Theo ông, thì sáng tạo một tác phẩm hay phải có hai yếu tố: yếu tố cốt lõi là cái thực, tức là vấn đề nội dung; và yếu tố trang sức cho nội dung, tức vấn đề hình thức. Như vậy theo ông, nội dung là cái cốt yếu, cái quan trọng, nhà văn phải quan tâm hàng đầu đến nội dung, sau đó dùng hình thức để trang điểm cho nội dung thêm phần đẹp đẽ. Ấy là một tác phẩm ưu tú.

Cùng nói về nội dung và hình thức, trong *Bàn về thơ,* Ngô Thì Nhậm cũng phê phán lối viết chuộng hình thức: *"Thơ mà quá cầu kỳ thì sa vào giả dối, quá trau chuốt thì sa vào xảo trá, hoang lương hiu hắt thì phần nhiều sa vào buồn bã. Chỉ có thuần hậu, giản dị, thẳng thắn không giả dối, không xảo trá, không buồn bã mà rốt cuộc chú trọng đến sự ngăn chặn điều xấu, bảo tồn điều hay, mới là cái đặc sắc chính của thơ"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 149) . Theo ông, nhà thơ không nên quá dụng tâm vào việc đẽo từ gọt chữ, cái quan trọng là ở tấm lòng "thuần hậu, giản dị, thẳng thắn", chân thành. Lòng thành chính là sự thành thực của cảm xúc, là phương diện tạo nội dung, nếu có được điều đó thì mới tạo được sự đặc sắc của tác phẩm. Ở một chỗ khác, ông cũng nhắc lại: *"Lời văn óng ả, câu văn mượt mà, song chỗ thần diệu là cốt ở tấm lòng. Bởi vậy nếu tâm hồn và tâm hồn gần nhau, thì tất có cơ sở để nương tựa"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 150). Như vậy, cơ sở của một tác phẩm có giá trị chính là "tấm lòng" người sáng tác.

Cảm xúc chân thành là điều quan trọng, nhưng nó cũng chưa đủ để hình thành nên một tác phẩm hay. Làm việc gì cũng có phép tắc của nó, sáng tác văn chương cũng vậy. Người đi trước đã vạch ra những chuẩn mực rồi, người đi sau phải đi theo. Nhưng phép tắc phải được vận dụng một cách linh hoạt. Ngô Thì Nhậm trong tựa "Hoàng Công thi tập" có nêu: "*Lời phát ra nếu không có phép tắc, tức là lòng mình không có phép tắc. Những lời đẹp đẽ văn hoa, những câu lạnh lùng đau xót, cảm xúc đến đâu, phát ra đến đấy, những người biết làm thơ đều làm được cả, mà phép tắc chưa kể đến. Phép tắc là cái để làm khuôn khổ cho sự vận dụng của lòng"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tác giả, 2007, tr. 145). Rõ ràng, để có thể đi từ chân lý đời sống đến chân lý nghệ thuật, nhà văn cần có phương pháp đúng. Về vấn đề này, Ngô Thì Hoàng trong bài *Cái vui luận bàn*, phát biểu: *"Đạo bàn luận, nếu quá buông tuồng thì hóa ra phóng túng, nếu quá câu nệ thì hóa ra gò gẫm. Ở trong khuôn khổ, thỉnh thoảng cũng phải ra khỏi lối mòn"* (Phan Trọng Thưởng và nhóm tacs giả, 2007, tr. 131). Người ta thường nói nghệ thuật như là cánh chim trên bầu trời chứ không phải trong lồng son. Nếu nghệ thuật bị nhốt trong chiếc lồng tư tưởng, nguyên lý khô cứng hay qui phạm hình thức thì nó sẽ chết. Bởi vậy, cánh chim nghệ thuật luôn tìm cách phá tung chiếc lồng chật chội để để tìm đến bầu trời tự do. Đời sống văn học ở ta từ sau 1986 đã cho thấy rõ điều đó. Làm thơ mà cứ gò mình trong khuôn thước của niêm luật thì khác nào con cá chui vào chiếc lờ, tránh sao lặp lại lối mòn của người đi trước. Có thể nói tư tưởng của Ngô Thì Hoàng rất

đúng đắn và tiến bộ.

Sáng tạo văn chương là một công việc sáng xuất tinh thần tinh vi và phức tạp. Để có được một tác phẩm ưu tú cần rất nhiều yếu tố. Trong quan niệm của Ngô gia văn phái thì văn chương hay là phải mạnh mẽ hùng hồn. Giữa nội dung và hình thức thì phải xem trọng nội dung, tránh sa đà vào "gọt văn, đẽo chữ". Sáng tác vừa phải xem trọng phép tắc nhưng đồng thời phải biết vượt thoát khuôn khổ, nghĩa là phải biết sáng tạo cái mới.

Nhìn chung, ở phương diện sáng tạo văn học, nhóm Ngô gia văn phái rất xem trọng vấn đề cảm hứng trong sáng tác. Đó là yếu tố hàng đầu. Về năng lực nhà văn, họ thừa nhận khả năng thiên phú, coi trọng tinh thần học hỏi và sự cần mẫn trong sáng tác. Đối với tiêu chuẩn của một tác phẩm ưu tú thì nội dung là cái quan trọng. Nhưng phải quan tâm hình thức để trang sức cho nội dung đẹp hơn. Dù chưa phải toàn diện, những những vấn đề của sáng tạo văn chương đã được các nhà văn Ngô gia nêu ra khá sâu sắc và thuyết phục.

Nghiên cứu về quan niệm văn chương của các nhà văn thời trung đại đã có những công trình có tính chất tổng quan và những công trình tìm hiểu những tác giả lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du. Riêng về nhóm Ngô Gia văn phái thì chưa được quan tâm. Bởi vậy, đây là bài viết đầu tiên tìm hiểu quan niệm về sáng tác văn chương của một văn phái có hơn 5.000 trang tác phẩm gồm nhiều thể loại. Bìa viết có thể giúp việc tiếp nhận đúng đắn và sâu sắc hơn tác phẩm của Ngô Gia văn phái nói riêng và văn học trung đại nói chung. Trong khuôn khổ của bài báo khoa học, chúng tôi không thể khảo sát được toàn bộ lý luận văn chương của của một văn phái nổi bật trong nền văn học trung đại. Hy vọng chúng tôi sẽ tìm hiểu đầy đủ trong một công trình qui mô hơn.

3. Kết luận

Do ở cùng một địa phương, cùng một dòng họ, thường xuyên đàm đạo văn chương cùng nhau, nên Ngô gia văn phái khá thống nhất với nhau về lý thuyết văn chương. Họ phát biểu nhiều về vai trò, chức năng của văn chương; về vấn đề sáng tác như thế nào để có thể tạo ra một tác phẩm ưu tú. Từ quan niệm ấy, văn phái Ngô gia đã sáng tác hàng nghìn trang tác phẩm có giá trị, có chỗ đứng vững vàng trong thời kỳ văn học trung đại.

Có thể nhận định rằng, lý luận sáng tác của nhóm Ngô gia văn phái xét ở giá trị đồng đại thì nó là những vấn đề có tính cốt lõi nằm trong hệ thống quan niệm văn chương của dân tộc, và đóng góp của họ làm phong phú thêm gia tài lý luận của cha ông. Còn xét ở phương diện lịch đại, ngoài những vấn đề như văn phải chở đạo hay nội dung quan trọng hơn hình thức có vẻ đã lạc hậu thì phần lý luận của họ đã bắt gặp những tư tưởng sáng tạo của lý luận phương Tây hiện đại, tức là đến hôm nay nó vẫn còn nguyên giá trị mà chúng ta có thể dẫn ra để bổ sung vào những phương diện của lý luận hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phương Lựu. (1985). *Về quan niệm văn chương cổ Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Trần Đình Sử. (2005). *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Minh Tấn. (1981). *Từ trong di sản.* Hà Nội: NXB Tác phẩm mới.

Trần Thị Băng Thanh. (chủ biên) (2010). *Tuyển tập Ngô gia văn phái*. Hà Nội: NXB Hà Nội.

Trần Thị Băng Thanh. (2006). Ngô gia văn phái, một hiện tượng của văn học trung đại Việt Nam. Tạp chí Hán Nôm, Số 3, 2006; tr.3-12).

Phan Trọng Thưởng, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn. (2007). *10 thế kỷ bàn luận về văn chương*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Ngày nhận bài: 02/8/2022 Ngày chấp nhận đăng: 18/6/2023